

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN TỊNH
TỈNH QUẢNG NGÃI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **96/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 14 - 9- 2022

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN TỊNH, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thượng Trọng Ký

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Bà Đào Thị Thu Đoàn;

2- Ông Lương Đình Tiến;

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Kim Chi- là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thu Hiếu- Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 81/2022/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 05/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2022/QĐST- HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Thu T**, sinh năm 1995;

Địa chỉ: Đội 2, thôn A, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

2- Bị đơn: Anh **Bùi Đức B**, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Đội 8, thôn Đ, xã T, huyện S, Quảng Ngãi.

Chị T có đơn xin vắng mặt, anh B vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09- 02- 2022, trong quá trình giải quyết vụ án chị Trần Thị Thu T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bùi Đức B trước khi kết hôn có tình hiểu tự nguyện và yêu thương nhau, không ai ép buộc và tổ chức đám cưới vào năm 2013, có đăng ký kết hôn vào ngày 26 tháng 04 năm 2017 tại UBND xã Tịnh Sơn. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc từ đó đến tháng 03 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng thường xuyên cãi nhau, thậm chí còn đánh nhau vì vợ chồng bất đồng quan điểm sống và hiện nay đã ly thân hơn hai năm nay phần ai nấy sống, không ai quan tâm ai. Mặc dù đã nhiều lần giải quyết để hàn gắn tình cảm nhưng không thể hàn gắn lại được.

Nay Chị thấy tình cảm giữa Chị và anh B không còn. Chị yêu cầu Tòa án nhân dân huyện S giải quyết cho Chị được ly hôn với anh B để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con tên là Bùi Thị Như N, sinh ngày 24 tháng 07 năm 2014. Hiện đang chung sống cùng với Chị. Khi ly hôn Chị yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con, không yêu cầu anh Bùi Đức B cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ ai và cũng không có ai nợ vợ chồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Bùi Đức B không đến Tòa án và cũng không có văn bản trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi phát biểu:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Chủ tọa phiên tòa, Hội thẩm nhân dân và Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của BLTTDS (Bộ luật Tố tụng dân sự) trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng quy định tại Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 21, khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 147, 227, 238 và 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T:

- + Về hôn nhân: Chị T được ly hôn với anh B.
 - + Về con chung: Giao cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng con Bùi Thị Như N, sinh ngày 24 tháng 07 năm 2014, anh B không phải cấp dưỡng nuôi con.
 - + Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét giải quyết.
- Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp giữa các bên là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Căn cứ theo quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi. Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Chị T và anh B tự tìm hiểu rồi kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi (bản chính đã bị thất lạc, đương sự chỉ nộp bản trích lục kết hôn). Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị T có yêu cầu ly hôn, Tòa án thụ lý giải quyết theo thủ tục chung là đúng quy định.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của chị T, Hội đồng xét xử xét thấy: Anh, Chị sống không hợp nhau, có nhiều mâu thuẫn, không cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình được và hiện nay chị T và anh B đã sống ly thân phần ai nấy sống. Xét thấy, mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay, chị T không còn tình cảm và cương quyết ly hôn với anh B, đồng thời anh B cũng không đến Tòa án để có phương án hòa giải đoàn tụ gia đình. Hội đồng xét xử xét thấy chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Tâm đối với anh B là phù hợp theo quy định tại các Điều 51 và 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Xét thấy chị Trần Thị Thu T và anh Bùi Đức B có 01 con chung là Bùi Thị Như N, sinh ngày 24 tháng 07 năm 2014 và hiện nay cháu N đang sinh sống ổn định cùng với chị T từ nhiều năm nay. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của cháu và theo nguyện vọng của cháu Ngọc có nguyện vọng ở với chị Tâm để được học hành nên cần giao cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng, anh B không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết nên không giải quyết.

[6] Về nợ chung: Đương sự khai không có, nên không xem xét.

[7] Về án phí: Chị Trần Thị Thu T nộp để sung công quỹ Nhà nước 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm phân ly hôn theo quy định.

[8] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 147, 227, 238 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thu T.

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Thu T đối với anh Bùi Đức B. Chị Trần Thị Thu T được ly hôn với anh Bùi Đức B.

2. Về con chung:

Chấp nhận yêu cầu của chị. Giao cho chị Trần Thị Thu T được trực tiếp nuôi dưỡng con Bùi Thị Như N, sinh ngày 24 tháng 07 năm 2014, anh Bùi Đức B không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp có yêu cầu của một bên, cả hai bên hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con, thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không giải quyết.

4. Về nợ chung: Đương sự khai không có, nên không xem xét.

5. Về án phí:

Chị Trần Thị Thu T nộp để sung vào công quỹ Nhà nước 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm phân ly hôn. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001270 ngày 27-4-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.

6. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Sơn Tịnh,
tỉnh Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS huyện Sơn Tịnh,
tỉnh Quảng Ngãi;
- UBND xã T, huyện Sơn Tịnh,
tỉnh Quảng Ngãi;
- Đương sự;
- Lưu: Án văn; hồ sơ vụ án.

Thượng Trọng Ký